

Số: 12/2017/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định tỷ lệ phần trăm phân chia một số khoản thu
giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 05**

(Từ ngày 04/12/2017 đến ngày 06/12/2017)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và Hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của HĐND Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố giai đoạn 2017-2020;

Xét Tờ trình số 180/TTr-UBND ngày 21/11/2017 của UBND Thành phố về quy định tỷ lệ phần trăm phân chia một số khoản thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 133/BC-HĐND ngày 24/11/2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia một số khoản thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội (quy định cụ thể tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức thực hiện quy định tại Nghị quyết. Rà soát, điều chỉnh các quy định của Thành phố chưa phù hợp với Nghị quyết này (nếu có).

2. Tập hợp các vấn đề phát sinh cần điều chỉnh trong quá trình thực hiện, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xử lý và báo cáo với Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố; các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố.

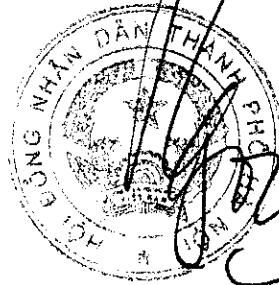
2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XV, kỳ họp thứ 05 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 15/12/2017 và được áp dụng đến ngày 31/12/2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố Hà Nội;
- TT HĐND, UBND, UB MTTQ TP;
- Các vị Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng của TU;
- VP Đoàn ĐBQH TP, VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo TP, Công GTĐT TP, TT Tin học;
- Lưu: VT

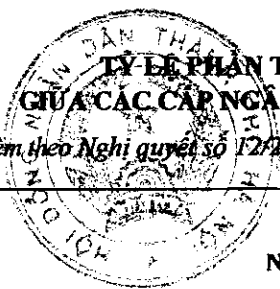
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Ngọc

PHU LUC

**TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA MỘT SỐ KHOẢN THU
GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2017-2020**
(Kèm theo Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND thành phố Hà Nội)



STT	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện thị xã (%)	NS xã phường thị trấn (%)
I	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA VỚI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG				
1	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng bao gồm cả tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ tiền chậm nộp thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế GTGT thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)				
1.1	Thu từ DNNN Trung ương	65	35		
1.2	Thu từ DNNN Địa phương (không kể thuế GTGT từ hoạt động Xổ số kiến thiết)	65	35		
1.3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	65	35		
1.4	Thu từ khu vực kinh tế CTN ngoài quốc doanh				
	Quận Hoàn Kiếm	65	24	11	
	Quận Ba Đình	65	24	11	
	Quận Đống Đa	65	25	10	
	Quận Hai Bà Trưng	65	24	11	
	Quận Thanh Xuân	65	24	11	
	Quận Cầu Giấy	65	24	11	
	Quận Nam Từ Liêm	65	24	11	
	Quận Tây Hồ	65	3	32	
	Quận Hoàng Mai	65	7	28	
	Quận Long Biên	65	14	21	
	Các quận, huyện, thị xã còn lại	65		35	
2	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ tiền chậm nộp thuế thu nhập từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí)				
2.1	Thu từ DNNN Trung ương	65	35		
2.2	Thu từ DNNN Địa phương (Không kể thuế TNDN hoạt động Xổ số kiến thiết)	65	35		
2.3	Thu từ DN Đầu tư nước ngoài	65	35		
2.4	Thu từ khu vực kinh tế CTN ngoài quốc doanh				

STT	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện thị xã (%)	NS xã phường thị trấn (%)
	Quận Hoàn Kiếm	65	24	11	
	Quận Ba Đình	65	24	11	
	Quận Đống Đa	65	25	10	
	Quận Hai Bà Trưng	65	24	11	
	Quận Thanh Xuân	65	24	11	
	Quận Cầu Giấy	65	24	11	
	Quận Nam Từ Liêm	65	24	11	
	Quận Tây Hồ	65	3	32	
	Quận Hoàng Mai	65	7	28	
	Quận Long Biên	65	14	21	
	Các quận, huyện, thị xã còn lại	65		35	
3	Tiền chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể TTĐB hàng nhập khẩu)				
3.1	Thu từ DNNN Trung ương	65	35		
3.2	Thu từ DNNN Địa phương (Không kể thuế TTĐB từ hoạt động XSKT)	65	35		
3.3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	65	35		
3.4	Thu từ khu vực kinh tế CTN ngoài quốc doanh				
	Quận Hoàn Kiếm	65	24	11	
	Quận Ba Đình	65	24	11	
	Quận Đống Đa	65	25	10	
	Quận Hai Bà Trưng	65	24	11	
	Quận Thanh Xuân	65	24	11	
	Quận Cầu Giấy	65	24	11	
	Quận Nam Từ Liêm	65	24	11	
	Quận Tây Hồ	65	3	32	
	Quận Hoàng Mai	65	7	28	
	Quận Long Biên	65	14	21	
	Các quận, huyện, thị xã còn lại	65		35	
4	Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân				

STT	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện thị xã (%)	NS xã phường thị trấn (%)
4.1	Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân nộp thông qua các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thu qua KBNN Hà Nội	65	35		
4.2	Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân giao quận, huyện, thị xã quản lý thu (không bao gồm của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thu qua KBNN Hà Nội)				
	Quận Hoàn Kiếm	65	24	11	
	Quận Ba Đình	65	24	11	
	Quận Đống Đa	65	25	10	
	Quận Hai Bà Trưng	65	24	11	
	Quận Thanh Xuân	65	24	11	
	Quận Cầu Giấy	65	24	11	
	Quận Nam Từ Liêm	65	24	11	
	Quận Tây Hồ	65	3	32	
	Quận Hoàng Mai	65	7	28	
	Quận Long Biên	65	14	21	
	Các quận, huyện, thị xã còn lại	65		35	
5	Tiền chậm nộp thuế bảo vệ môi trường (không kể Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu)	65	35		
II	CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HƯỞNG 100%				
1	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật		100		
2	Tiền chậm nộp các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định)				
	- Do cơ quan Thành phố thực hiện và quản lý		100		
	- Do cơ quan cấp huyện thực hiện và quản lý			100	
	- Do cấp xã, phường, thị trấn thực hiện và quản lý				100
3	Tiền chậm nộp thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)				
3.1	Tiền chậm nộp thuế tài nguyên từ DNNN, DN có vốn đầu tư nước ngoài		100		
3.2	Tiền chậm nộp thuế tài nguyên từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ sản xuất			100	
4	Tiền chậm nộp thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán		100		
5	Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật		100		

STT	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện thị xã (%)	NS xã phường thị trấn (%)
6	Tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành thuế, các ngành khác quản lý (*)				
6.1	Các cơ quan do Trung ương, Thành phố quản lý (Từ chương 402 đến chương 599)		100		
6.2	Các cơ quan do cấp huyện quản lý (Từ chương 605 đến chương 799)			100	
6.3	Các cơ quan do cấp xã quản lý (Từ chương 802 đến chương 989)				100

(*) Bao gồm các khoản thu trong trường hợp có quy định về tiền chậm nộp, cụ thể:

- Tiền chậm nộp lệ phí môn bài.
- Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp.
- Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
- Tiền chậm nộp khoản thu tiền sử dụng đất.
- Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).
- Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.
- Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ.
- Tiền chậm nộp thu từ bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước.
- Tiền chậm nộp đối với phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, đối với khí thải, đối với khai thác khoáng sản).
- Tiền chậm nộp phí, lệ phí do các cơ quan đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường).
- Tiền chậm nộp các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định).
- Tiền chậm nộp khoản thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý.
- Tiền chậm nộp khoản thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.
- Tiền chậm nộp khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.
- Tiền chậm nộp các khoản thu khác ngân sách địa phương.